TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2024/HS-ST
Ngày: 27 - 9 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Bình
Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Hòa
Ông Phan Văn Minh
Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 92/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Trần Tuấn A, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1996 tại tỉnh Cao Bằng; nơi ĐKHKTT: Tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; chỗ ở trước khi bị bắt: 03 H, tổ C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trần T và bà Vương Thị K; bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Phan Xuân T1 (không đăng ký kết hôn) và có 01 con chung là cháu Phan Bảo H, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/5/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trịnh Phong P, sinh năm 2001; địa chỉ: Làng B, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Việt A1, sinh năm 2000; địa chỉ: I H, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Võ Thị Ánh T2, sinh năm 1989; địa chỉ: E L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Trần Hoàng L, sinh năm 2001; địa chỉ: Hẻm C L, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Anh Nguyễn Đức T3, sinh năm 1994; địa chỉ: 1 L, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Trương Quang P1, sinh năm 1994; địa chỉ: 1 T, tổ A, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Đỗ Trung K1, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn A, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Huỳnh Anh V, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn A, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Lê Mạnh D, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn A, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Đoàn Long Khang N, sinh năm 2000; địa chỉ: B P, tổ E, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Trần Thị Thanh H1, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn C, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Anh Phan Ngọc D1, sinh năm 1997; địa chỉ: C P, tổ I, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Thu T4, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào giữa tháng 02/2024, Nguyễn Trần Tuấn A từ tỉnh Cao Bằng vào tỉnh Gia Lai với mục đích hoạt động cho người khác vay tiền để kiếm lợi nhuận. Sau khi vào tỉnh Gia Lai, Tuấn A đến thị xã A chơi và gặp một người tên C (tên gọi khác là C1, nam thanh niên khoảng 30 tuổi, chưa rõ nhân thân lai lịch) và Trần Hữu C2 (sinh năm: 1994, trú tại Tổ C, phường H, thị xã A, tỉnh Gia Lai). Tại đây, khi biết C2 là người có tiền nên Tuấn A có nói với C2 "*Nếu có khách vay em hỏi mượn tiền anh nhé*" thì C2 đồng ý và thỏa thuận sẽ cho Tuấn A mượn số tiền 100.000.000 đồng nhưng khi ngày nào có khách cần vay thì C2 sẽ chuyển qua tài khoản cho Tuấn A chứ không chuyển hết một lần. Sau đó, Tuấn A và C lên thành phố P thuê nhà ở tại số C H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai để hoạt động cho vay. Quá trình ở tại căn nhà số C H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngoài Tuấn A và C còn có Nguyễn Công H2 (sinh năm: 1992, trú tại Thôn B, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình) cũng hoạt động cho vay nhưng hoạt động riêng lẻ, không cùng làm chung với Tuấn A và C. Ngoài ra, còn có Hà Quốc K2 (sinh năm: 1992, trú tại Đ, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai) và B (chưa rõ nhân thân lai lịch) có nhiệm vụ chở Tuấn A và H2 đi gặp và tìm hiểu thông tin của những người có nhu cầu vay tiền.

Để phục vụ hoạt động cho vay, Nguyễn Trần Tuấn A sử dụng 01 chiếc điện thoại Iphone X, màu đen bên trong có gắn sim số 0945.976.386 đăng ký tài khoản Zalo tên "Nguyen Tuan A2" và 01 chiếc điện thoại Iphone 8, màu trắng xám bên

trong gắn sim số 0363.642.924 đăng ký tài khoản Zalo tên "Nguyen Hoang" và đăng ký tài khoản trên ứng dụng Facebook tên "Nguyen Tuan A2". Sau đó, Tuấn A sử dụng Facebook tên "Nguyen Tuan A2" vào các trang mạng Facebook "Chợ G" và nhiều trang khác có nhiều người xem và "like" thì Tuấn A đăng tin nội dung: "*Ai cần hỗ trợ TC (tài chính) inbox*". Sau đó, nếu có người cần vay và nhắn số điện thoại lên thì Tuấn A gọi điện thoại hoặc dùng tài khoản Zalo tên "Nguyen Hoang" để liên lạc thỏa thuận cho vay tiền. Khi khách đồng ý vay tiền thì Tuấn A hỏi mức vay tiền, đưa ra số tiền lãi, số ngày vay, ngày trả tiền lãi và tiền gốc, yêu cầu khách đưa Căn cước công dân hoặc Giấy phép lái xe, Hộ chiếu để Tuấn A giữ. Tuấn A quy ước với khách vay thời hạn vay là 21 ngày sẽ hoàn trả đủ số tiền gốc và tiền lãi và trả theo từng ngày, thời hạn trả lần đầu là 03 ngày khi bắt đầu vay và trừ vào 03 ngày cuối, thu phí một lần vay trị giá là 05%/hợp đồng vay, lãi suất vay từ 37,14%/tháng đến 57,14%/tháng (tương đương từ 445,68%/năm đến 685,68%/năm). Trong trường hợp đang trong thời gian trả nợ, nếu không có tiền thì sẽ có hình thức nâng gói hoặc đáo hạn, tức là người vay sẽ vay thêm gói mới với thỏa thuận như trên, sau đó Tuấn A sẽ cho vay gói mới rồi trừ tiền số ngày người vay chưa trả nợ gói vay cũ, sau đó gói nợ cũ sẽ tất toán, số tiền còn lại Tuấn A sẽ chuyển cho người vay, gói vay mới sẽ được tính lại từ đầu. Việc chuyển tiền cho vay và thu tiền từ người vay Tuấn A sử dụng 02 tài khoản ngân hàng T5 số 19036704540014 và 1896969999 mang tên Nguyễn Trần Tuấn A nhưng hai tài khoản này thực chất là một tài khoản.

Với hình thức như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 02/2024 đến tháng 5/2024, Tuấn A đã cho nhiều người trên địa bàn tỉnh Gia Lai vay tiền, cụ thể như sau:

1. Anh Trịnh Phong P (sinh năm: 2001, trú tại: Làng B, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai): Đã vay của Nguyễn Trần Tuấn A 06 lần với tổng số tiền 48.000.000 đồng, Tuấn A đã nhận tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là **11.310.635 đồng**.

2. Anh Nguyễn Việt A1 (sinh năm: 2000, trú tại: I H, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai): Đã vay của Nguyễn Trần Tuấn A 11 lần với tổng số tiền 86.000.000 đồng, Tuấn A đã nhận tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là **24.657.619 đồng**.

3. Chị Võ Thị Ánh T2 (sinh năm: 1989, trú tại: E L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai): Đã vay của Nguyễn Trần Tuấn A 09 lần với tổng số tiền 41.000.000 đồng, Tuấn A đã nhận tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là **12.066.508 đồng**.

4. Anh Trần Hoàng L (sinh năm: 2001, trú tại: Hẻm C L, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai): Đã vay của Nguyễn Trần Tuấn A 06 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng, Tuấn A đã nhận tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là **7.826.587 đồng**.

5. Anh Nguyễn Đức T3 (sinh năm: 1994, trú tại: Tổ E, Phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai): Đã vay của Nguyễn Trần Tuấn A 05 lần với tổng số tiền

28.000.000 đồng, Tuấn A đã nhận tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là **6.825.079 đồng**.

6. Anh Trương Quang P1 (sinh năm: 1994, trú tại: 1 T, tổ A, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai): Đã vay của Nguyễn Trần Tuấn A 07 lần với tổng số tiền 51.150.000 đồng, Tuấn A đã nhận tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là **13.284.028 đồng**.

7. Anh Đỗ Trung K1 (sinh năm: 2003, trú tại: Thôn A, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai): Đã vay của Nguyễn Trần Tuấn A 03 lần với tổng số tiền 15.000.000 đồng, Tuấn A đã nhận tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là **4.225.000 đồng**.

8. Anh Nguyễn Huỳnh Anh V (sinh năm: 2001, trú tại: Thôn A, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai): Đã vay của Nguyễn Trần Tuấn A 02 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng, Tuấn A đã nhận tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là **4.192.857 đồng**.

9. Anh Lê Mạnh D (sinh năm: 2001, trú tại: Thôn A, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai): Đã vay của Nguyễn Trần Tuấn A 02 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng, Tuấn A đã nhận tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là **4.192.857 đồng**.

10. Anh Đoàn Long Khang N (sinh năm: 2000, trú tại: B P, tổ E, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai): Đã vay của Nguyễn Trần Tuấn A 10 lần với tổng số tiền 46.000.000 đồng, Tuấn A đã nhận tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là **13.289.921 đồng**.

11. Chị Trần Thị Thanh H1 (sinh năm: 1991, trú tại: Thôn C, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai): Đã vay của Nguyễn Trần Tuấn A 10 lần với tổng số tiền 50.000.000 đồng, Tuấn A đã nhận tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là **10.820.238 đồng**.

12. Anh Phan Ngọc D1 (sinh năm: 1997, trú tại: C P, tổ I, phường Y, thành phố P, tỉnh G): Đã vay của Nguyễn Trần Tuấn A 09 lần với tổng số tiền 105.000.000 đồng, Tuấn A đã nhận tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là **26.121.825 đồng**.

13. Chị Nguyễn Thị Thu T4 (sinh năm: 1991, trú tại: Tổ B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai): Đã vay của Nguyễn Trần Tuấn A 03 lần với tổng số tiền 35.000.000 đồng, Tuấn A đã nhận tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là **8.100.397 đồng**.

Tổng số tiền Nguyễn Trần Tuấn A đã cho 13 cá nhân trên vay là 575.150.000 đồng và đã thu lợi bất chính với tổng số tiền là **146.913.552 đồng**.

Ngày 04/5/2024, Nguyễn Trần Tuấn A đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G thi hành Lệnh khám xét chỗ ở của Nguyễn Trần Tuấn A và Nguyễn Công H2 tại căn nhà số C H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai thu giữ nhiều đồ vật, tài liệu có liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Ngày 08/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và tạm giam đối với Nguyễn Trần Tuấn A về tội

"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự để tiến hành điều tra.

Quá trình điều tra, Nguyễn Trần Tuấn A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với tài liệu, chứng cứ và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

*** Vật chứng thu giữ:**

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8; màu trắng xám; số Imei: 0356094090634539.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen, số I: 354866093391783.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 6s màu vàng, đã cài đặt mật khẩu nên không kiểm tra được nên không xác định được số I (mặt sau máy hiển thị dòng chữ số: Model A1688, FCC ID: BCG-E2946A IC:579C-E2946A).

- 01 (một) Thẻ ATM số 4780970021666120 của ngân hàng T5 tên N1.

*** Dân sự:**

Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, tổng số tiền mà bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A đã thu lợi bất chính đối với 13 cá nhân vay tiền là: **146.913.552 đồng.** Đến nay, Nguyễn Trần Tuấn A chưa giao nộp số tiền trên cho Cơ quan điều tra.

Đối với các trường hợp chưa hết thời hạn vay theo thoả thuận, các cá nhân còn nợ gốc chưa trả cho Tuấn A tổng cộng số tiền **89.809.524 đồng**, gồm: Trịnh Phong P số tiền 13.809.524 đồng; Nguyễn Việt A1 số tiền 5.714.286 đồng; Võ Thị Ánh T2 số tiền 4.047.619 đồng; Trần Hoàng L số tiền 4.523.810 đồng; Nguyễn Đức T3 số tiền 6.476.190 đồng; Trương Quang P1 số tiền 6.666.667 đồng; Nguyễn Huỳnh Anh V số tiền 7.142.857 đồng; Lê Mạnh D số tiền 7.142.857 đồng; Đoàn Long Khang N số tiền 4.523.810 đồng; Trần Thị Thanh H1 số tiền 6.428.571 đồng; Phan Ngọc D1 số tiền 20.952.381 đồng; Nguyễn Thị Thu T4 số tiền 2.380.952 đồng.

Tại Cáo trạng số 117/CT-VKS-P1 ngày 16/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

2. Diễn biến phiên tòa:

2.1 Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

2.2 Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*";

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 38, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A từ 6 đến 12 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về biện pháp tư pháp: Bị cáo sử dụng 100.000.000 đồng tiền gốc cho vay xoay vòng, đáo hạn, cho 13 cá nhân vay nhiều lần, trong đó còn 12 cá nhân còn nợ bị cáo là 89.809.524 đồng. Đây là số tiền bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Trong đó tịch thu của Trịnh Phong P 13.809.524 đồng; Nguyễn Việt A1 5.714.286 đồng; Võ Thị Ánh T2 4.047.619 đồng; Trần Hoàng L 4.523.810 đồng; Nguyễn Đức T3 6.476.190 đồng; Trương Quang P1 6.666.667 đồng; Nguyễn Huỳnh Anh V 7.142.857 đồng; Lê Mạnh D 7.142.857 đồng; Đoàn Long Khang N 4.523.810 đồng; Trần Thị Thanh H1 6.428.571 đồng; Phan Ngọc D1 20.952.381 đồng; Nguyễn Thị Thu T4 2.380.952 đồng; bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A 10.190.476 đồng.

Quá trình cho vay bị cáo thu lợi bất chính của 13 cá nhân số tiền lãi trên 20% và tiền phí với tổng số tiền là 146.913.552 đồng. Do đó, nên buộc bị cáo phải trả lại 13 cá nhân này, cụ thể: Trả cho anh Trịnh Phong P 11.310.635 đồng; trả cho anh Nguyễn Việt A1 24.657.619 đồng; chị Võ Thị Ánh T2 12.066.508 đồng; anh Trần Hoàng L 7.826.587 đồng; anh Nguyễn Đức T3 6.825.079 đồng; anh Trương quang P1 13.284.028 đồng; anh Đỗ Trung K1 4.225.000 đồng; anh Nguyễn Huỳnh Anh V 4.192.857 đồng; anh Lê Mạnh D 4.192.857 đồng; anh Đoàn Long Khang N 13.289.921 đồng; chị Trần Thị Thanh H1 10.820.238 đồng; anh Phan Ngọc D1 26.121.825 đồng; chị Nguyễn Thị Thu T4 8.100.397 đồng.

Ngoài ra bị cáo thu lợi bất chính của 13 cá nhân số tiền lãi không vượt quá 20% là 5.675.972 đồng, nên buộc bị cáo phải nộp lại đã để sung Ngân sách Nhà nước.

- Về vật chứng:

+ Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8; màu trắng xám; số Imei: 0356094090634539; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen, số I: 354866093391783;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 6s màu vàng, đã cài đặt mật khẩu nên không kiểm tra được nên không xác định được số I (mặt sau máy hiển thị dòng chữ số: Model A1688, FCC ID: BCG-E2946A IC:579C-E2946A), hiện không xác định được chủ sở hữu đề nghị trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) Thẻ ATM số 4780970021666120 của ngân hàng T5 tên N1.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Đối với khẩu súng thu giữ trong quá trình điều tra, kết luận giám định không phải là vũ khí quân dụng mà là công cụ hỗ trợ, quá trình điều tra bị cáo không thừa nhận là súng của mình, không xác định được chủ sở hữu. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận là súng do mình tàng trữ nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Từ tháng 02/2024 đến tháng 5/2024, Nguyễn Trần Tuấn A đã cho 13 cá nhân ở thành phố P, huyện I, huyện Đ vay tổng số tiền là 575.150.000 đồng với mức lãi suất từ 445,68%/năm đến 685,68%/năm, thu lợi bất chính 146.913.552 đồng, gồm: 122.863.552 đồng tiền lãi trên mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm) và 24.050.000 đồng tiền phí.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đầu thú, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền thu lợi bất chính ở mức khởi điểm của khung hình phạt, nên Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu được trong quá trình cho vay là 5.675.972 đồng, nên buộc bị cáo phải nộp lại để sung Ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo cho 13 cá nhân vay nhiều lần với tổng số tiền là 575.150.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định bị cáo sử dụng 100.000.000 đồng tiền gốc cho vay xoay vòng, đáo hạn, khi người vay trả tiền gốc, bị cáo lấy tiền gốc đó cho

chính người vay đó vay lại hoặc cho người khác vay, với thủ đoạn như vậy bị cáo cho 13 cá nhân vay nhiều lần, đây là số tiền bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước; trong đó có 12 cá nhân còn nợ bị cáo tổng số tiền gốc là 89.809.524 đồng, bị cáo được khấu trừ số tiền này vào tiền gốc đã cho vay. Do đó, buộc bị cáo còn phải nộp số tiền gốc đã cho vay là 10.190.476 đồng.

- Đối với 12 cá nhân còn nợ tiền gốc chưa trả cho bị cáo là 89.809.524 đồng, buộc nộp vào Ngân sách nhà nước, cụ thể như sau: Buộc anh Trịnh Phong P phải nộp 13.809.524 đồng; buộc anh Nguyễn Việt A1 phải nộp 5.714.286 đồng; buộc chị Võ Thị Ánh T2 phải nộp 4.047.619 đồng; buộc anh Trần Hoàng L phải nộp 4.523.810 đồng; buộc anh Nguyễn Đức T3 phải nộp 6.476.190 đồng; buộc anh Trương Quang P1 phải nộp 6.666.667 đồng; buộc anh Nguyễn Huỳnh Anh V phải nộp 7.142.857 đồng; buộc anh Lê Mạnh D phải nộp 7.142.857 đồng; buộc anh Đoàn Long Khang N phải nộp 4.523.810 đồng; buộc chị Trần Thị Thanh H1 phải nộp 6.428.571 đồng; buộc anh Phan Ngọc D1 phải nộp 20.952.381 đồng; buộc chị Nguyễn Thị Thu T4 phải nộp 2.380.952 đồng.

- Quá trình cho vay bị cáo thu lợi bất chính của 13 cá nhân số tiền lãi trên 20% và tiền phí với tổng số tiền là 146.913.552 đồng. Do đó, buộc bị cáo phải trả lại cho 13 cá nhân này, cụ thể: Trả cho anh Trịnh Phong P 11.310.635 đồng; trả cho anh Nguyễn Việt A1 24.657.619 đồng; trả cho chị Võ Thị Ánh T2 12.066.508 đồng; trả cho anh Trần Hoàng L 7.826.587 đồng; trả cho anh Nguyễn Đức T3 6.825.079 đồng; trả cho anh Trương Quang P1 13.284.028 đồng; trả cho anh Đỗ Trung K1 4.225.000 đồng; trả cho anh Nguyễn Huỳnh Anh V 4.192.857 đồng; trả cho anh Lê Mạnh D 4.192.857 đồng; trả cho anh Đoàn Long K3 Nhật 13.289.921 đồng; trả cho chị Trần Thị Thanh H1 10.820.238 đồng; trả cho anh Phan Ngọc D1 26.121.825 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị Thu T4 8.100.397 đồng.

[7] Về vật chứng:

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu trắng xám, số Imei: 0356094090634539; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen, số Imei: 354866093391783, bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng của Phòng C3 Công an tỉnh G, được dán, ký tên Lê Hoài Đ, Nguyễn Trần Tuấn A và Bùi Văn L1 trên các mép phong bì, nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 6s màu vàng, đã cài đặt mật khẩu nên không kiểm tra được nên không xác định được số I (mặt sau máy hiển thị dòng chữ số: Model A1688, FCC ID: BCG-E2946A IC:579C-E2946A), Cơ quan cảnh sát điều tra thu trong quá trình điều tra nhưng không chứng minh được liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét mà giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G quản lý, xử lý theo quy định.

- 01 (một) Thẻ ATM số 4780970021666120 của Ngân hàng T5 tên Nguyen T T, có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

[9] Các vấn đề có liên quan:

* Đối với Trần Hữu C2:

Trần Hữu C2 là người ký hợp đồng thuê nhà tại địa chỉ: C H, tổ C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai cho Nguyễn Trần Tuấn A, Nguyễn Công H2, Hà Quốc K2 ở để hoạt động cho vay tiền. Đồng thời, C2 cho Tuấn A vay mượn tiền để thực hiện hành vi phạm tội. Ban đầu C2 cho Tuấn A mượn số tiền 100.000.00 đồng và khi có người cần vay thêm tiền thì C2 chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Tuấn A để cho khách vay. Hàng ngày, sau khi thu tiền của những khách vay thì Tuấn A chuyển trả dần cho C2. Hiện nay, Trần Hữu C2 không có mặt ở địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được với C2 để làm rõ C2 có vai trò đồng phạm với Tuấn A hay không. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự có liên quan đến Trần Hữu C2 để tiếp tục điều tra, khi có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

* Đối với Nguyễn Công H2:

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Công H2 khai nhận từ tháng 4/2024 đến tỉnh Gia Lai để hoạt động cho vay và đã cho 06 người vay tổng cộng số tiền 37.000.000 đồng, với lãi suất vay từ 37,14% đến 57,14%/tháng (tương ứng từ 445,68% đến 685,68%/năm), thu lợi bất chính tổng số tiền là 9.761.000 đồng. Xét thấy hành vi của Nguyễn Công H2 là độc lập, không liên quan vụ án trên và số tiền thu lợi bất chính của chưa đủ 30.000.000 đồng. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự đối với Nguyễn Công H2 để tiếp tục xác minh, xử lý bằng vụ việc khác là có căn cứ.

* Đối với hành vi tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ:

Quá trình khám xét nơi ở của Nguyễn Trần Tuấn A thu giữ được 01 khẩu súng bằng kim loại màu đen, chiều dài thân súng 15,5 cm. Ngày 07/6/2024, Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng có Kết luận giám định số 1076/KL-KTHS, kết luận: Khẩu súng nêu trên gửi giám định là súng ZORAKI, bắn đạn cao su, đạn hơi cay, đạn nổ (uy hiếp) cỡ (9x22)mm; hiện tại khẩu súng bắn được và thuộc công cụ hỗ trợ (không thuộc vũ khí). Không phát hiện thấy dấu vết đục phá, sửa chữa các ký tự trên thân súng. Quá trình điều tra đến nay chưa xác định được khẩu súng trên thuộc sở hữu của ai. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận khẩu súng này là của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

* Đối với Hà Quốc K2:

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Trần Tuấn A khai Hà Quốc K2 cũng thường xuyên ở cùng nhà với Tuấn A và khi có khách cần vay tiền thì Tuấn A nhờ K2 chở đến gặp để thỏa thuận với khách vay tiền. Sau đó, K2 sẽ đi tìm hiểu thông tin người khách vay tiền cho Tuấn A. Tuy nhiên, K2 không được hưởng lợi gì từ hoạt động cho vay của Tuấn A. Hiện nay, Hà Quốc K2 không có mặt ở địa phương nên

Cơ quan điều tra chưa làm việc được với K2. Vì vậy, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G tiếp tục thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ hành vi của Hà Quốc K2, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

* Đối với người tên C (C1) và B:

Hiện tại không có đủ thông tin, tài liệu để xác minh nhân thân các đối tượng trên. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G tiếp tục thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ nhân thân lai lịch và hành vi của các đối tượng này, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 5/5/2024.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự;

- Buộc bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A phải nộp lại số tiền gốc đã cho vay là 10.190.476 đồng *(Mười triệu một trăm chín mươi nghìn bốn trăm bảy mươi sáu đồng)* và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 5.675.972 đồng *(Năm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng)* để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã vay nhưng chưa trả cho bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A, cụ thể là:

+ Anh Trịnh Phong P phải nộp 13.809.524 đồng (Mười ba triệu tám trăm lẻ chín nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng).

+ Anh Nguyễn Việt A1 phải nộp 5.714.286 đồng (Năm triệu bảy trăm mười bốn nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng).

+ Chị Võ Thị Ánh T2 phải nộp 4.047.619 đồng (Bốn triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm mười chín đồng).

+ Anh Trần Hoàng L phải nộp 4.523.810 đồng (Bốn triệu năm trăm hai mươi ba nghìn tám trăm mười đồng).

+ Anh Nguyễn Đức T3 phải nộp 6.476.190 đồng (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi đồng).

+ Anh Trương Quang P1 phải nộp 6.666.667 đồng (Sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Anh Nguyễn Huỳnh Anh V phải nộp 7.142.857 đồng (Bảy triệu một trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng).

+ Anh Lê Mạnh D phải nộp 7.142.857 đồng (Bảy triệu một trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng).

+ Anh Đoàn Long Khang N phải nộp 4.523.810 đồng (Bốn triệu năm trăm hai mươi ba nghìn tám trăm mười đồng).

+ Chị Trần Thị Thanh H1 phải nộp 6.428.571 đồng (Sáu triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi mốt đồng).

+ Anh Phan Ngọc D1 phải nộp 20.952.381 đồng (Hai mươi triệu chín trăm năm mươi hai nghìn ba trăm tám mươi mốt đồng).

+ Chị Nguyễn Thị Thu T4 phải nộp 2.380.952 đồng (Hai triệu ba trăm tám mươi nghìn chín trăm năm mươi hai đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A phải trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền mà bị cáo đã thu lợi bất chính gồm:

+ Trả cho anh Trịnh Phong P 11.310.635 đồng (Mười một triệu ba trăm mười nghìn sáu trăm ba mươi lăm đồng).

+ Trả cho anh Nguyễn Việt A1 24.657.619 đồng (Hai mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm mười chín đồng).

+ Trả cho chị Võ Thị Ánh T2 12.066.508 đồng (Mười hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm lẻ tám đồng).

+ Trả cho anh Trần Hoàng L 7.826.587 đồng (Bảy triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng).

+ Trả cho anh Nguyễn Đức T3 6.825.079 đồng (Sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi chín đồng).

+ Trả cho anh Trương Quang P1 13.284.028 đồng (Mười ba triệu hai trăm tám mươi tư nghìn không trăm hai mươi tám đồng).

+ Trả cho anh Đỗ Trung K1 4.225.000 đồng (Bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn).

+ Trả cho anh Nguyễn Huỳnh Anh V 4.192.857 đồng (Bốn triệu một trăm chín mươi hai nghìn tám trăm năm mươi bảy).

+ Trả cho anh Lê Mạnh D 4.192.857 đồng (Bốn triệu một trăm chín mươi hai tám trăm năm mươi bảy đồng).

+ Trả cho anh Đoàn Long K3 Nhật 13.289.921 đồng (Mười ba triệu hai trăm tám mươi chín nghìn chín trăm hai mươi mốt đồng).

+ Trả cho chị Trần Thị Thanh H1 10.820.238 đồng (Mười triệu tám trăm hai mươi nghìn hai trăm ba mươi tám đồng).

+ Trả cho anh Phan Ngọc D1 26.121.825 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm hai mươi mốt nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng).

+ Trả cho chị Nguyễn Thị Thu T4 8.100.397 đồng (Tám triệu một trăm nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định về trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 (một) phong bì màu trắng của Phòng C3 Công an tỉnh G, được dán và ký tên Lê Hoài Đ, Nguyễn Trần Tuấn A và Bùi Văn L1 trên các mép phong bì.

- Trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 6s màu vàng, đã cài đặt mật khẩu nên không kiểm tra được nên không xác định được số I (mặt sau máy hiển thị dòng chữ số: Model A1688, FCC ID: BCG-E2946A IC:579C-E2946A).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) Thẻ ATM số 4780970021666120 của Ngân hàng T5 tên N1.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm ghi tại Biên bản bàn giao vật chứng số 141/2024 lập ngày 29/8/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Viện KSND tỉnh Gia Lai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

- Phòng HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tinh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu Tòa HS, VT, Hồ sơ vụ án.

Võ Văn Bình